

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NÚI THÀNH  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2021/HNGĐ-ST

Ngày 25/3/2021

Về việc: “Chia tài sản  
chung sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Thắng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Nguyễn Văn Thư;

2/ Lê Văn Thịnh;

*Thư ký phiên tòa:* Ông Đặng Tư Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 274/2019/TLST-HNGĐ ngày 25/12/2019 về: “Chia tài sản chung sau khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Mỹ Nh, sinh năm: 1985. Có mặt

- *Bị đơn:* Ông Đoàn Ngọc Th, sinh năm: 1976. Có mặt

Cùng trú tại: Thôn Đ I, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

- Nguyên đơn – bà Hồ Thị Mỹ Nh trình bày: Tôi và ông Th đã ly hôn vào ngày 11/7/2019 theo Quyết định số 68/2019/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, khi đó về phần tài sản chung, tôi và ông Th không yêu cầu Tòa án phân chia. Nay tôi yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn gồm: 01 nhà cấp 4 gắn liền với quyền sử dụng đất tại thôn Đa Phú 1, xã Tam Mỹ Đông, huyện Núi Thành gồm: nhà trên: nhà trệt, móng đá, tường xây 110, tường trát quét vôi màu, mái tôn, nền gạch men, trần la phong (giá trị còn lại là 90%), diện tích: 65.28 m<sup>2</sup>, giá 157.514.000 đồng, Gác lững gỗ: giá 27.554.000 đồng. Nhà dưới: nhà trệt, móng đá, tường xây 110, tường trát, quét vôi màu, mái ngói, nền gạch men (giá trị còn lại 80 %), diện tích 26.82 m<sup>2</sup>, giá: 45.744.000 đồng. Sân trước: mái tôn, khung sắt, nền xi măng, diện tích: 29.58 m<sup>2</sup>, giá 24.166.000 đồng. Số tiền 400.000.000 đồng trong

đó tôi giữ 60.000.000 đồng, ông Th giữ 340.000.000 đồng, Một chiếc xe máy biển số 92N1-064.88, nhãn hiệu YAMAHA, loại NUVOU, trị giá 4.000.000 đồng. Một bộ bàn salong bằng gỗ đẳng trị giá 15.000.000 đồng.

- Bị đơn ông Đoàn Ngọc Th trình bày: Tôi đồng ý với lời khai của bà Nh về việc ly hôn. Tài sản chung của hai người sau khi ly hôn gồm: 01 nhà cấp 4 gắn liền với quyền sử dụng đất tại thôn Đa Phú, xã Tam Mỹ Đông, huyện Núi Thành gồm nhà trên: nhà trệt, móng đá, tường xây 110, tường trát quét vôi màu, mái tôn, nền gạch men, trần la phong, diện tích: 65.28 m<sup>2</sup>, giá 157.514.000 đồng, Gác lững gỗ: 27.554.000 đồng. Nhà dưới: nhà trệt, móng đá, tường xây 110, tường trát, quét vôi màu, mái ngói, nền gạch men, diện tích 26.82 m<sup>2</sup>, giá: 45.744.000 đồng. Sân trước: mái tôn, khung sắt, nền ximang, diện tích: 29.58 m<sup>2</sup>, giá 24.166.000 đồng. Số tiền 400.000.000 đồng trong đó bà Nh giữ 60.000.000 đồng, tôi giữ 340.000.000 đồng nhưng tôi đã sử dụng hết số tiền này, Một chiếc xe máy biển số 92N1-064.88, nhãn hiệu YAMAHA, loại NUVOU trị giá: 4.000.000 đồng. Một bộ bàn salong bằng gỗ đẳng trị giá 15.000.000 đồng.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa là đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Mỹ Nh về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn giữa bà Nh và ông Th, giao cho ông Th được tiếp tục sử dụng nhà và đất theo GCNQSDĐ, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 905005 ngày 29/6/2015 tại thôn Đa Phú 1, xã Tam Mỹ Đông, cùng những tài sản khác như xe máy biển số 92N1-064.88, nhãn hiệu YAMAHA, loại NUVOU; Một bộ bàn salong bằng gỗ đẳng, ông Th có trách nhiệm thời trả lại ½ tổng giá trị các tài sản trên cho bà Nh. Ngoài ra đối với số tiền chung trong thời kì hôn nhân 400.000.000 đồng, ông Th có trách nhiệm trả lại cho bà Nh số tiền 140.000.000 đồng( sau khi trừ đi số tiền 60.000.000 đồng bà Nh đang giữ). Đối với các tài sản khác các bên không yêu cầu nên không đề cập xử lý).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Hồ Thị Mỹ Nh có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Đoàn Ngọc Th, các đương có địa chỉ nơi cư trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vì vậy yêu cầu tại đơn khởi kiện của bà Nh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp phải giải quyết là: “Chia tài sản chung sau khi ly hôn”.

[3] Về yêu cầu chia tài sản của bà Hồ Thị Mỹ Nh:

Bà Nh và ông Th đã ly hôn vào ngày 11/7/2019 theo quyết định số 68/2019/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, về phần tài sản bà Nh và ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng sau đó, ông bà không tự phân chia tài sản chung được. Nay bà Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung: Một nhà cấp 4 gắn liền với quyền sử dụng đất thửa đất số 6, tờ bản đồ số 1024, tại thôn Đa Phú, xã Tam Mỹ Đông, huyện Núi Thành được Hội định giá là 254.978.500 đồng; giá trị quyền sử dụng thửa đất số 6, tờ bản đồ số 1024, tại thôn Đa Phú, xã Tam Mỹ Đông, huyện Núi Thành được Hội định giá là 27.064.500 đồng. Số tiền 400.000.000 đồng trong đó bà Nh giữ số tiền 60.000.000 đồng, ông Th giữ số tiền 340.000.000 đồng. Bà Nh, ông Th tự thống nhất giá trị một chiếc xe máy biển số 92N1-064.88, nhãn hiệu YAMAHA, loại NUVOU là 4.000.000 đồng, một bộ bàn ghế bằng gỗ là 15.000.000 đồng, còn các tài sản khác bà Nh, ông Th không yêu cầu chia.

Các tài sản trên hai đương sự đều thống nhất từ số lượng, diện tích, nguồn gốc đất, giá trị định giá, do không tự chia được nên yêu cầu Tòa án phân chia theo pháp luật.

[3.1] Ngôi nhà được bà Nh, ông Th xây dựng trên thửa đất được cha mẹ ông Th cho hai người trong thời kỳ hôn nhân, tiếp giáp với nhà cha mẹ ông Th nên bà Nh không có nhu cầu được sở hữu, đồng ý giao cho ông Th và yêu cầu ông Th trả lại cho bà 1/2 giá trị ngôi nhà cho bà là 127.489.250 đồng. Giá trị quyền sử dụng đất là 27.064.000 nên ông Th phải trả cho bà Nh là 13.532.000 đồng. Đây là yêu cầu chính đáng và có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Tiền mặt của hai đương sự là 400.000.000 đồng, bà Th đã giữ 60.000.000 đồng, ông Th giữ 340.000.000 đồng. Do vậy, ông Th phải trả cho bà Nh là 140.000.000 đồng.

[3.3] Chiếc xe máy và bộ bàn ghế hiện ông Th đang quản lý, sử dụng có tổng giá trị 19.000.000 đồng, nên ông Th phải trả lại cho bà Nh 9.500.000 đồng.

Tổng cộng ông Th phải trả lại cho bà Nh 290.521.250 đồng.

[4] Về nợ chung: Bà Hồ Thị Mỹ Nh và ông Đoàn Ngọc Th đều khai nhận đã trả xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về chi phí đo đạc thẩm định, định giá: Bà Hồ Thị Mỹ Nh tự nguyện chịu.

[6] Về án phí: Bà Hồ Thị Mỹ Nh phải chịu 16.020.860 đồng, ông Đoàn Ngọc Th phải chịu 16.020.860 đồng.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 29, 33, 59 và 62 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 213 của Bộ luật Dân sự 2015 tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Mỹ Nh về: “*Chia tài sản chung sau khi ly hôn*” đối với ông Đoàn Ngọc Th.

- Bà Hồ Thị Mỹ Nh được quyền sở hữu số tiền 290.521.250 do ông Đoàn Ngọc Th có nghĩa vụ giao lại.

- Ông Đoàn Ngọc Th được quyền sử dụng: Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 1024, tại thôn Đa Phú 1, xã Tam Mỹ Đông, huyện Núi Thành, diện tích 162,9 m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 905005, được Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam cấp cho ông Đoàn Ngọc Th và bà Hồ Thị Mỹ Nh ngày 29/6/2015 có tứ cận: Đông giáp thửa số 1023; Phía Tây giáp thửa số 1025, Nam giáp đường giao thông, Bắc giáp thửa đất số 986 ( có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

- Ông Đoàn Ngọc Th được quyền sở hữu: 01 căn nhà cấp 4 tọa lạc trên thửa đất số 6 , tờ bản đồ số 1024, tại thôn Đa Phú 1, xã Tam Mỹ Đông, huyện Núi Thành nêu trên gồm:

+ Nhà trên có cấu trúc: Nhà trệt, móng đá, tường xây 110, tường trát quét vôi màu, mái tôn, nền gạch men, trần la phong, diện tích: 65.28 m<sup>2</sup>; gác lửng bằng gỗ;

+ Nhà dưới có cấu trúc: Nhà trệt, móng đá, tường xây 110, tường trát, quét vôi màu, mái ngói, nền gạch men, diện tích 26.82 m<sup>2</sup>;

+ Sân trước: mái tôn, khung sắt, nền ximang, diện tích: 29.58 m<sup>2</sup>.

- Ông Đoàn Ngọc Th được quyền sở hữu chiếc xe máy biển số 92N1-064.88, nhãn hiệu YAMAHA, loại NUVOU, một bộ bàn ghế salong bằng gỗ.

- Ông Đoàn Ngọc Th phải trả cho bà Hồ Thị Mỹ Nh số tiền 290.521.250 đồng .

[2] Về án phí: Bà Hồ Thị Mỹ Nh phải chịu án phí 16.020.860 đồng, ông Đoàn Ngọc Th phải chịu án phí 16.020.860 đồng.

[3] Về chi phí thẩm định, định giá bà Hồ Thị Mỹ Nh tự nguyện chịu.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Núi Thành;
- Chi cục THADS h.Núi Thành;
- UBND xã Tam Mỹ Đông;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Công Thắng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Núi Thành;
- Chi cục THADS h.Núi Thành;
- UBND xã Tam Mỹ Đông;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Công Thắng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Núi Thành;
- Chi cục THADS h.Núi Thành;
- UBND xã Tam Xuân II;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Đình Dũng**



**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**



**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Văn Xô**







